

Số:353/KH-UBND

Hải Dương, ngày 25 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH

Rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Hải Dương

Căn cứ Nghị định số 351/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ về việc quy định chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2026-2030 (gọi tắt là Nghị định số 351/2025/NĐ-CP);

Căn cứ Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT ngày 27/5/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn quy trình, phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030 (gọi tắt là Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT);

Thực hiện Kế hoạch số 328/KH-UBND ngày 26/8/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chuẩn nghèo quốc gia; rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 và giai đoạn 2027-2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Kế hoạch số 114/KH-SNNMT của Sở Nông nghiệp và Môi trường ngày 28/8/2026 về việc rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Ủy ban nhân dân phường Hải Dương ban hành Kế hoạch rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn phường Hải Dương, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Mục đích

- Tổ chức rà soát, xác định, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố năm 2026 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, làm cơ sở thực hiện chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách có liên quan.

- Tổ chức rà soát đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027- 2030, xác định đầy đủ, chính xác danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo để làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

- Thiết lập, cập nhật và quản lý thống nhất cơ sở dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với cơ sở dữ liệu quốc gia (<https://csdlhn.mae.gov.vn>) và cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

- Đánh giá thực chất tình trạng nghèo đa chiều trên địa bàn phường, xác định nguyên nhân nghèo, mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản, làm cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội của Trung ương và thành phố (*các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về chính sách an sinh xã hội liên quan đến hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo*).

- Hoàn thành mục tiêu của thành phố Hải Phòng: Phần đầu năm 2026 không còn hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025; năm 2028 không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027- 2030.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng đối tượng, đúng quy trình, đúng phương pháp và đúng thời gian quy định tại Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT và các quy định có liên quan. Thông tin thu thập phải đầy đủ, trung thực; kết quả rà soát phải phản ánh đúng thực trạng đời sống của hộ gia đình. Bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan, chính xác; có sự tham gia giám sát của cộng đồng dân cư và các tổ chức chính trị - xã hội. Kết quả rà soát phải được công khai theo quy định; kịp thời tiếp nhận, xem xét và giải quyết các ý kiến phản ánh, kiến nghị của người dân.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa kết quả điều tra, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác và an toàn.

3. Phạm vi và đối tượng thực hiện

a) Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn phường.

b) Đối tượng thực hiện rà soát:

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Gồm các hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát và các hộ gia đình có đề nghị rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo.

- Hộ gia đình thuộc danh sách rà soát hộ thoát nghèo: hộ nghèo, hộ cận nghèo cư trú trên địa bàn phường tại thời điểm rà soát.

II. CHUẨN NGHÈO VÀ PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT

1. Rà soát theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025

a) Chuẩn nghèo: Thực hiện theo Điều 2 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“1. Tiếp tục thực hiện chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (sau đây gọi là Nghị định số 07/2021/NĐ-CP) từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026.

2. Chuẩn nghèo quy định tại khoản 1 Điều này là căn cứ để đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; là cơ sở xác định đối tượng để thực hiện các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội khác năm 2026.”

b) Phương pháp rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo:

Thực hiện theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và các văn bản hướng dẫn có liên quan, làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo trong năm 2026.

2. Rà soát theo chuẩn nghèo giai đoạn 2027-2030

a) Chuẩn nghèo: Thực hiện theo Điều 3 Nghị định số 351/2025/NĐ-CP, cụ thể trên địa bàn phường Hải Dương:

- Mức chuẩn thu nhập:

Khu vực đô thị: 2.800.000 đồng/người/tháng.

- Các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: việc làm; y tế; giáo dục; nhà ở; thông tin; nước sinh hoạt, vệ sinh và môi trường. Hộ nghèo, hộ cận nghèo được xác định trên cơ sở kết hợp tiêu chí về thu nhập và mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định, cụ thể:

+ Hộ nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

+ Hộ cận nghèo khu vực đô thị là hộ gia đình cư trú ở khu vực đô thị, có thu nhập bình quân đầu người từ 2.800.000 đồng/người/tháng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản”.

b) Phương pháp rà soát giai đoạn 2027-2030

Thực hiện theo quy trình, phương pháp và hệ thống biểu mẫu quy định tại Thông tư số 25/2026/TT-BNNMT.

Việc xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo được thực hiện trên cơ sở kết quả thu thập thông tin, chấm điểm, ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định; làm căn cứ thực hiện chính sách giảm nghèo từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

III. QUY TRÌNH VÀ TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

1. Quy trình rà soát định kỳ hằng năm

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát.
- Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình.
- Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát.
- Niêm yết, thông báo công khai.
- Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo.

** Thời gian rà soát định kỳ hằng năm: từ ngày 01 tháng 9 đến hết ngày 14 tháng 12 của năm thực hiện rà soát.*

2. Quy trình rà soát trong năm

- Lập danh sách hộ gia đình cần rà soát.
- Thực hiện rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 25/2026/TT-BNNMT.
- Tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát; niêm yết, thông báo công khai.
- Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo. *Thời gian rà soát trong năm: từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 8 hằng năm, trừ trường hợp đột xuất. Trường hợp đột xuất (xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh hoặc trường hợp bất khả kháng khác; phát sinh từ ngày 15 tháng 12 đến hết ngày 31 tháng 12) thì thời gian rà soát, danh sách hộ gia đình cần rà soát do người thực hiện rà soát đề xuất, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường quyết định.*

3. Tiến độ thực hiện

- Tháng 9/2026: Xây dựng và ban hành Kế hoạch rà soát; tuyên truyền trên phương tiện truyền thông và trực tiếp tại Tổ dân phố; tổ chức lực lượng rà soát, hướng dẫn nghiệp vụ rà soát.
- Tháng 10/2026: Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình; tổ chức họp dân để lấy ý kiến về kết quả rà soát.
- Từ 01/11 - 03/11/2026: Tổng hợp sơ bộ kết quả rà soát báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Từ 04/11/2026 đến trước ngày 20/11/2026: Tổng hợp chính thức kết quả rà soát, công nhận Danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hoàn thiện đầy đủ biểu mẫu báo cáo theo quy định, báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện công tác rà soát, công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước hiện hành được bố trí trong dự toán chi hằng năm của phường và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường

- Tham mưu kiện toàn Ban Chỉ đạo, Tổ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo năm 2026 trên địa bàn phường đảm bảo theo đúng mục đích, yêu cầu của Kế hoạch này; phối hợp với Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công và các cơ quan, đơn vị có liên quan phổ biến, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện truyền thông.
- Cử chuyên viên phụ trách và các Tổ trưởng Tổ dân phố tham gia tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; tổ chức lực lượng rà soát viên và chỉ đạo các rà soát viên thực hiện công tác rà soát hộ

nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trên địa bàn đảm bảo tính chính xác, đúng quy trình, công khai, minh bạch trong quá trình rà soát; kiểm tra công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo tại các Tổ dân phố trên địa bàn phường.

- Tổng hợp kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường phê duyệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

2. Phòng Kinh tế

- Tham mưu UBND phường bố trí kinh phí, hỗ trợ thêm kinh phí chi cho công tác rà soát; hướng dẫn việc thanh quyết toán theo quy định. Cử công chức tham gia Tổ rà soát hộ nghèo của phường.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội

- Phối hợp thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ năm 2026 trên địa bàn phường theo chuẩn nghèo đa chiều theo Kế hoạch ban hành. Cử công chức tham gia Tổ rà soát hộ nghèo của phường.

- Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, rà soát, tham mưu cho UBND phường kịp thời điều chỉnh việc thực hiện chính sách, chế độ đối với người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo đảm bảo theo quy định.

4. Trung Tâm Dịch vụ sự nghiệp công phường

Tổ chức tuyên truyền về chuẩn nghèo; về mục đích, ý nghĩa, nội dung, tiêu chí, phương pháp và quy trình rà soát; quyền và trách nhiệm của hộ gia đình và các cơ quan, đơn vị có liên quan. Bảo đảm người dân hiểu đúng tiêu chí và tham gia đầy đủ vào quá trình rà soát.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị - xã hội phường

Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia công tác rà soát; thực hiện giám sát quá trình rà soát, bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng.

6. Tổ trưởng các Tổ dân phố

- Tuyên truyền tới nhân dân trên địa bàn tổ hiểu rõ mục đích, ý nghĩa cuộc điều tra, rà soát; chủ động phát hiện hộ gia đình gặp khó khăn, biến cố rủi ro trong năm để hướng dẫn hộ gia đình đăng ký, rà soát.

- Thực hiện điều tra đảm bảo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra, thực hiện nghiêm túc quy trình điều tra xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo không sai, bỏ sót đối tượng, đánh giá đúng thực chất tình hình công tác giảm nghèo ở tổ dân phố để làm căn cứ thực hiện các chính sách an sinh xã hội và hỗ trợ đúng đối tượng đảm bảo chính xác và công bằng.

- Tổ chức họp bình xét hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2026 và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân phường đảm bảo tiến độ thời gian quy định.

- Tổ trưởng các Tổ dân phố chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND phường về tính chính xác, đầy đủ của danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo và kết quả rà soát trên địa bàn được phân công phụ trách; kịp thời báo cáo UBND

phường những khó khăn, vướng mắc hoặc trường hợp phát sinh trong quá trình thực hiện để được hướng dẫn, xử lý theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan và các Tổ dân phố nghiêm túc triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- Sở NN&MT thành phố (để b/c);
- TT Đảng ủy, TT HĐND phường;
- CT, các PCT UBND phường;
- Các cơ quan, đơn vị liên quan;
- Thành viên BCD phường;
- Tổ trưởng các Tổ dân phố;
- Lưu: VT, XDNNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoa